

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG TRONG GIỜ HỌC TIẾNG ANH

LƯƠNG THANH MAI

Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 06/01/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 27/02/2026.

Abstract

This article examines the effectiveness of warm-up activities in English lessons. It first highlights the benefits of using warm-ups, such as increasing student interest, creating a welcoming atmosphere, enhancing participation, and capturing learners' attention. The article also provides an overview of warm-up activities, including guiding principles and illustrative examples. To support these points, a survey and in-depth interviews were conducted with English-majored students at Hanoi University of Science and Technology to evaluate the role and usefulness of warm-ups in English teaching and learning. The findings indicate that incorporating warm-up activities benefits both teachers and students.

Keywords: English lessons, principles, students, teaching and learning, warm-up activities.

1. Đặt vấn đề

Nhiều sinh viên (SV) phàn nàn rằng các em cảm thấy nhàm chán khi phải thực hiện những nhiệm vụ học tập lặp đi, lặp lại trong mỗi buổi học. Vì không hào hứng với sự lặp lại đó nên SV không có nhiều tiến bộ trong học tập nói chung và học Tiếng Anh nói riêng. Thực tế cho thấy một số giáo viên (GV) mới chỉ chú trọng truyền tải kiến thức và hoàn thành nội dung bài giảng mà chưa thực sự quan tâm đến việc tạo hứng thú và động lực để SV tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động trong lớp. Rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng động lực học tập đóng vai trò then chốt trong tất cả các khía cạnh, bao gồm cả quá trình dạy và học Tiếng Anh trong lớp học. Động lực là một trong những yếu tố chính liên quan trực tiếp đến thành công trong việc phát triển ngôn ngữ nước ngoài, quyết định mức độ tham gia tích cực của mỗi SV trong việc học ngôn ngữ ở các giai đoạn khác nhau. Một trong những khía cạnh quan trọng nhất trong việc giảng dạy ngôn ngữ thứ hai là làm thế nào để thu hút và duy trì động lực của SV. SV nên cảm thấy được tạo điều kiện để nói và thảo luận một cách tự tin về việc học của mình và chia sẻ những khó khăn gặp phải. Tuy nhiên, động lực học tập của nhiều SV trong các giờ học Tiếng Anh dần dần giảm đi. Đây chính là lý do khiến GV phải thay đổi, họ cần tìm ra biện pháp giúp SV hào hứng hơn với mỗi giờ học. Có nhiều biện pháp đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến và một trong số đó là sử dụng các hoạt động khởi động (HĐKD) đầu giờ nhằm mang lại sự đa dạng trong hoạt động dạy và học, giúp người học cảm thấy tò mò, chú ý và từ đó có thêm động lực để tìm hiểu bài ở mức độ sâu hơn.

2. Định nghĩa và đặc điểm của hoạt động khởi động

2.1. Định nghĩa hoạt động khởi động

Khởi động là giai đoạn chuẩn bị giúp người học cảm thấy thư giãn và tạo tâm trạng tích cực cho việc học [7, tr. 129]. Theo nhà nghiên cứu Robertson & Acklam thì "Khởi động là một hoạt động ngắn diễn ra đầu giờ học" và "Khởi động là các loại hoạt động khác nhau giúp người học bắt đầu suy nghĩ, ôn tập lại kiến thức đã được giới thiệu trước đó và tạo hứng thú" [6, tr. 6].

Đối với giờ học ngôn ngữ, giai đoạn khởi động được coi là định hướng ban đầu hướng tới nội dung

Email: mai.luongthanh@hust.edu.vn

DOI: 10.64410/OPVL2292

bài học. Vì vậy, một hoạt động thú vị thường được sử dụng để bắt đầu tiết học giúp cả người dạy lẫn người học cảm thấy thoải mái, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng tiếp nhận kiến thức mới.

2.2. Đặc điểm của hoạt động khởi động

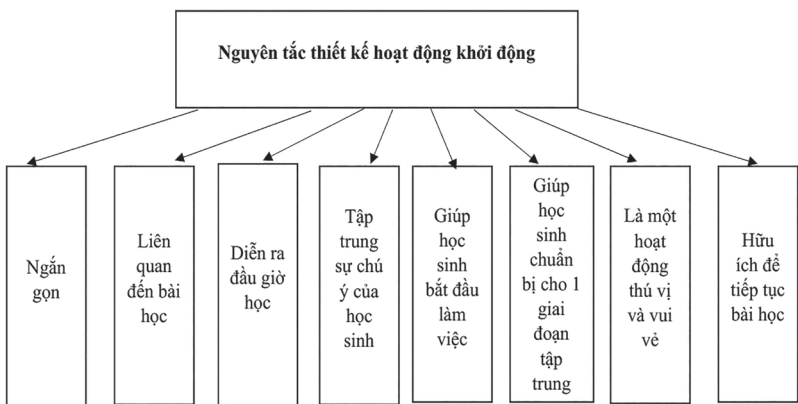
Garcia và Martin định nghĩa “Kiến thức nền là sự khái quát những kinh nghiệm, trên cơ sở đó giúp chúng ta hiểu được kiến thức mới” [3, tr. 25]. Trong phần mở đầu bài học, điều cần thiết là GV phải biết kích hoạt kiến thức hiện có của người học và liên hệ chúng với những thông tin mới sẽ được giới thiệu trong bài. Garcia và Martin nhấn mạnh rằng “Một trong những mục đích của việc sử dụng HĐKD là kích hoạt kiến thức nền của người học” [3, tr. 38]. GV cần hiểu người học đã biết gì về chủ đề mà họ sắp giảng dạy và cần kết nối chủ đề đó với sự hiểu biết hiện tại của người học. GV nên bắt đầu giảng dạy từ điểm mà người học đã có kiến thức hoặc đã quen thuộc [2, tr. 57]. Chia sẻ quan điểm với Cheung, Nemati cũng khẳng định rằng chúng ta chỉ hiểu được kiến thức mới khi chúng ta có thể liên hệ nó với những điều đã biết [5, tr. 345]. Nhà nghiên cứu Cheung mô tả hai loại kiến thức nền đó là kiến thức chuyên môn và kiến thức thực tiễn. Trong đó, kiến thức chuyên môn là kiến thức mà người học đã có được từ các cơ sở giáo dục, còn kiến thức thực tiễn là những gì người học có được thông qua tương tác với thế giới. Nếu người học được giới thiệu các tài liệu, chủ đề hoặc nhiệm vụ mới bằng cách liên hệ kiến thức chuyên môn với kiến thức thực tiễn thì việc kết nối tới kiến thức mới sẽ dễ dàng hơn và họ sẽ hào hứng học hỏi, tìm hiểu hơn [2, tr. 57].

Garcia và Martin chỉ ra rằng từ quan điểm về giáo học pháp, chúng ta có thể coi HĐKD như một con tàu đưa người học đi từ cái đã biết đến cái chưa biết nhằm kích hoạt vốn từ vựng tiềm năng và thụ động của họ [3, tr. 21]. HĐKD giúp người học kích hoạt kiến thức hiện có và hướng suy nghĩ của họ đến hoạt động chính. Theo Nemati thì đây chính là cách người học có thể xây dựng mối liên hệ giữa thông tin cũ với thông tin mới [5, tr. 380].

2.3. Một số nguyên tắc thiết kế hoạt động khởi động

Trong nghiên cứu được tiến hành năm 2008, nhà nghiên cứu Velandia đã đưa ra 8 nguyên tắc khi thiết kế HĐKD, được cụ thể hóa bằng mô hình dưới đây:

Biểu đồ 1: Nguyên tắc thiết kế HĐKD



Velandia gợi ý rằng HĐKD nên diễn ra vào đầu giờ học vì điều này sẽ giúp GV thu hút sự chú ý của SV. Hoạt động này phải thú vị để các em có động lực ngay từ đầu, nó thường là một hoạt động ngắn vì là giai đoạn chuẩn bị cho các giai đoạn khác của bài học. HĐKD phải liên quan đến chủ đề bài học để SV có thể dễ dàng tham gia vào các hoạt động khác nhau nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ của mình [9, tr. 12].

Robertson và Acklam cũng mô tả một vài đặc điểm chính của HĐKD. Họ cho rằng HĐKD cần phải thú vị để tạo động lực cho SV luyện tập tiếng Anh, nó sẽ không phải là phần chính của bài học vì HĐKD là một hoạt động ngắn, thường được sử dụng để giúp các em ôn tập lại kiến thức ngôn ngữ đã học trước đó. Tuy nhiên, không giống với quan điểm của Velandia, Robertson và Acklam lại cho rằng HĐKD

không nhất thiết phải liên quan đến bài học vì mục đích chính của việc sử dụng hoạt động này là giúp người học sẵn sàng làm việc bằng tiếng Anh [4, tr. 229].

3. Một số ví dụ về hoạt động khởi động thường sử dụng trong các giờ học ngoại ngữ

Robertson, Acklam cùng một số nhà nghiên cứu khác đã giới thiệu các HĐKD thường được dùng để tạo hứng thú và dẫn dắt SV tìm hiểu chủ đề của bài học mới. Nội dung cụ thể của từng hoạt động như sau:

Hoạt động 1: Họ đang nói về điều gì vậy?: Trong hoạt động này, GV viết một câu lên bảng và câu này hơi giống hội thoại. Ví dụ: Cuối cùng cũng tìm thấy! Nhưng bây giờ thì quá muộn, tôi không thể làm được nữa, sau những gì bạn đã làm. Thật ngu ngốc! Chúng ta sẽ chẳng bao giờ lấy lại được nữa đâu!

SV cố gắng đoán xem người đó đang nói về điều gì. Không có câu trả lời đúng hay sai mà các em được GV khuyến khích nói bất cứ điều gì.

Hoạt động 2: Quay lưng vào nhau: Khi GV bật một bản nhạc lên, tất cả SV đi quanh lớp và quan sát quần áo, kiểu tóc của người khác,... Khi nhạc dừng lại, các em ghép đôi với người gần nhất và họ đứng quay lưng vào nhau. Sau đó, SV đưa ra nhận xét về ngoại hình của nhau mà không nhìn thấy nhau. Ví dụ: sinh viên A: Tôi nghĩ mắt bạn màu nâu, sinh viên B: không đúng, mắt tôi màu đen. Theo cách này, khi nhạc lại được bật lên, tất cả các đôi tách ra và khi nhạc dừng lại, mỗi SV sẽ ghép đôi với một bạn khác.

Hoạt động 3: Đặt câu hỏi: Đây là HĐKD giúp SV có ý tưởng về chủ đề bài học. Ở đây, GV đặt câu hỏi để kích hoạt kiến thức mà các em đã biết và gợi ý thông tin. Ví dụ: GV đặt một số câu hỏi như: Bạn có thường đi nhà hàng không? Bạn có thích nấu ăn không? Điều gì sẽ khiến bạn không vui khi ăn ở một nhà hàng? Sau khi gợi ý thông tin, GV yêu cầu SV nghe một đoạn văn nơi một người bày tỏ sự tức giận đối với một nhà hàng.

Hoạt động 4: Đọc ghép hình: GV cắt một đoạn văn ngắn thành bốn phần. Sau đó, thầy/cô chia lớp thành các nhóm gồm bốn thành viên. Mỗi thành viên nhận một mảnh của đoạn văn. Họ được yêu cầu đọc trước, sau đó thảo luận với các thành viên trong nhóm mà không được xem đoạn văn của nhau để tìm ra phần nào sẽ đứng đầu tiên, phần nào thứ hai và tiếp tục như vậy.

4. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của việc sử dụng HĐKD trong lớp học Tiếng Anh nên đối tượng tham gia là nhóm SV chuyên ngành ngôn ngữ Anh tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội. Các SV đã có trải nghiệm tham gia HĐKD với GV dạy kỹ năng nghe nói tiếng Anh - kỹ năng đòi hỏi SV cần có sự tương tác tốt trong giờ học.

Nghiên cứu sử dụng kết hợp cả hai phương pháp định tính và định lượng, trong đó điều tra bảng hỏi và phỏng vấn chuyên sâu là hai công cụ chính để thu thập dữ liệu. 50 SV đã được phát bảng câu hỏi và năm SV trong số đó được lựa chọn ngẫu nhiên để tham gia phỏng vấn.

Nhằm mục đích giữ kín thông tin, mỗi SV được đặt câu hỏi trong một cuộc phỏng vấn riêng kéo dài từ 5-7 phút. Nội dung phỏng vấn được ghi chép cẩn thận để đảm bảo độ chính xác.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Nhận thức của sinh viên về việc sử dụng hoạt động khởi động trong giờ học Tiếng Anh

Phần lớn SV tham gia nghiên cứu đều cho rằng khởi động là giai đoạn chuẩn bị, mang lại cảm giác thư giãn và tạo tâm trạng tích cực cho việc học. SV chia sẻ “mở đầu bài học với các HĐKD giúp em ôn tập lại phần kiến thức đã được giới thiệu trước đó, đồng thời giúp em có định hướng ban đầu về nội dung của bài học mới”. Tuy nhiên, cũng có một số SV bày tỏ quan điểm tiêu cực đối với hoạt động trên. Theo các em thì một số HĐKD được GV sử dụng nhiều lần, lặp đi, lặp lại khiến mức độ hứng thú giảm đi.

5.2. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của hoạt động khởi động

5.2.1. Hoạt động khởi động giúp kích hoạt kiến thức nền

Đa số SV tham gia khảo sát đều cho rằng HĐKD giúp kích hoạt kiến thức nền và tạo ra mối liên hệ với nội dung bài học mới. Điều này được thể hiện ở số liệu thống kê trong biểu đồ dưới đây:

Từ biểu đồ trên có thể thấy có 8 SV lựa chọn Rất đồng ý (16%) và 30 SV chọn Đồng ý (60%) với nhận

định về mối quan hệ tích cực giữa HĐKĐ với việc kích hoạt kiến thức nền. Sau khi tham gia các HĐKĐ, SV nhận thấy thầy cô đã khéo léo kết nối, lồng ghép chủ đề bài học sắp dạy với kiến thức mà các em đã có. Chính điều này giúp SV cảm thấy bài học mới trở nên gần gũi, dễ hiểu hơn.

5.2.2. Hoạt động khởi động giúp đạt mục tiêu bài học

Nếu ngay từ đầu mỗi giờ học SV nắm được ý tưởng về kiến thức và kỹ năng mà các em sẽ tiếp thu thì chất lượng học sẽ được cải thiện và kết quả đạt được cũng tốt hơn. Nhà nghiên cứu Cheung đã đưa ra nhận định rằng học tập là một hoạt động hướng đến mục tiêu, trong

đó nhiệm vụ của GV là thu hút người học, tìm ra tầm quan trọng của tài liệu học tập và làm cho hành trình đó trở nên thú vị [2, tr. 58]. Ngoài việc kết nối kiến thức cũ với kiến thức mới, một HĐKĐ ngắn gọn có thể xây dựng mối quan hệ giữa người học với tài liệu học tập, từ đó giúp đạt được mục tiêu của bài giảng. Ý kiến này nhận được sự đồng tình của 70% SV trả lời bảng hỏi và 4/5 SV tham gia phỏng vấn.

Sinh viên A khi được phỏng vấn đã cho rằng “Nếu em nhận thấy một HĐKĐ có liên quan và giúp đạt được mục tiêu bài học, em sẽ nhiệt tình tham gia với một nỗ lực cao nhưng nếu hoạt động đó không liên quan đến bài học, em sẽ chỉ tham gia ở mức tối thiểu”.

Sinh viên cho biết các em tham gia HĐKĐ không chỉ để giải trí mà còn muốn học được điều gì đó mới. Một hoạt động sẽ không tự cung cấp mục tiêu rõ ràng nhưng khi GV chỉ ra mối liên hệ giữa nó với mục tiêu và nội dung bài học thì các em thấy rằng hoạt động đó không những phù hợp mà còn thực sự cần thiết.

5.2.3. Hoạt động khởi động giúp xây dựng mối quan hệ giữa giáo viên với sinh viên

Quá trình học kỹ năng nghe nói tiếng Anh được thúc đẩy thông qua việc xây dựng mối quan hệ tích cực giữa GV với SV. GV có thể giúp SV trình bày ý tưởng và nêu ý kiến của mình bằng những tình huống ít căng thẳng và tạo dựng mối quan hệ tốt với các em. Xây dựng mối quan hệ và sự tin tưởng lẫn nhau giữa GV và SV là điều kiện tiên quyết để tạo ra một bầu không khí tích cực trong lớp học. Theo Krishnan “Mối quan hệ tốt là khả năng xây dựng lòng tin và sự tự tin với người khác, thường là trong một khoảng thời gian có hạn” [4, tr. 229].

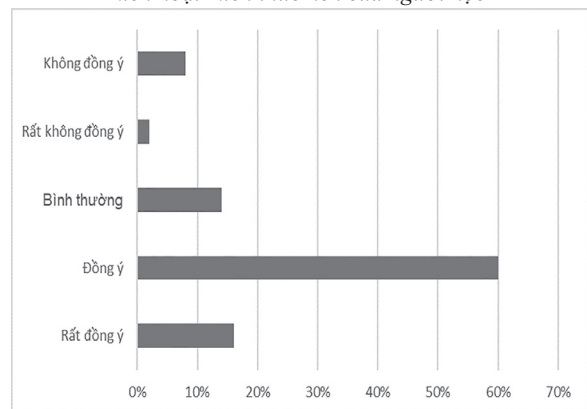
Với câu hỏi “Em có nghĩ rằng HĐKĐ giúp GV trở nên gần gũi hơn với SV không?”. Hơn 90% SV tham gia khảo sát đều cho rằng việc GV áp dụng các bài tập khởi động tạo ra một bầu không khí tích cực trong lớp học. Một câu chuyện cười, một trò chơi, một vài câu hỏi gợi mở đã giúp các em cảm thấy thoải mái hơn khi trao đổi với thầy cô. Điều này cũng được hỗ trợ bởi kết quả của cuộc phỏng vấn, 3 trong số 5 SV được hỏi cho rằng HĐKĐ có thể là một trong những kỹ thuật hiệu quả để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa GV với SV. Mặc dù vậy, vẫn có hai SV phỏng vấn cho rằng HĐKĐ không phải là biện pháp duy nhất giúp gắn kết SV với GV.

Nhà nghiên cứu Krishnan và Hoon cho rằng trong lớp học ngôn ngữ, người dạy và người học cần hỗ trợ và động viên lẫn nhau để thúc đẩy sự thành công trong học tập. Các HĐKĐ tạo ra một môi trường thoải mái và thiết lập lòng tin, cho phép họ dễ dàng tham gia vào các cuộc thảo luận và trao đổi khác [4, tr. 233]. GV dạy ngôn ngữ nên nhận thức được tính hữu ích của HĐKĐ, đặc biệt là trong tiết học đầu tiên của bất kỳ lớp học mới nào, nơi người học có cơ hội làm quen với nhau và GV có cơ hội hiểu được trình độ chung của cả lớp. Những hoạt động này giúp tạo sự gắn kết trong lớp học.

5.2.4. Hoạt động khởi động giúp tạo động lực học tập

Bằng cách dành 5 hoặc 10 phút cho các HĐKĐ, SV có thể được tạo động lực ngay từ những phút đầu tiên của buổi học. Nhà nghiên cứu Tricomi chỉ rõ động lực học bị ảnh hưởng bởi sự hứng thú của người

Biểu đồ 2: Ý kiến của SV về mối quan hệ giữa HĐKĐ với việc kích hoạt kiến thức nền của người học



học đối với các hoạt động trên lớp [8, tr. 62]. Khi trả lời câu hỏi khảo sát và phỏng vấn liên quan đến mối quan hệ giữa HĐKD với động lực học tập, trên 70% SV có chung câu trả lời rằng các em cảm thấy có động lực học tốt nếu GV tổ chức các HĐKD và bài tập ngôn ngữ thú vị. Như vậy, động lực chính là sự hứng thú và nhiệt tình của SV đối với các tài liệu và nhiệm vụ học tập được sử dụng trong lớp và nó cho thấy mức độ chú ý, tập trung và thích thú của các em. Nhà nghiên cứu Zhu cũng đề cập rằng sự hứng thú giúp tạo động lực và khám phá để học hỏi, phát triển kiến thức rộng nhằm đạt được kỹ năng và kinh nghiệm. Bắt đầu một tiết học bằng HĐKD là một cách tốt để khơi gợi sự tò mò và hứng thú ở người học và thúc đẩy họ chú ý hơn vào các hoạt động tiếp theo [10, tr. 69].

5.2.5. Sự chú ý của sinh viên và hoạt động khởi động

Nhà nghiên cứu Brown cho rằng nếu thiếu sự chú ý và nhận thức, tài liệu học tập sẽ chỉ được lưu lại trong trí nhớ ngắn hạn và không được xử lý trong trí nhớ dài hạn. Vì vậy, HĐKD thường được thiết kế ngay ở đầu tiết học nhằm thu hút sự chú ý của SV. Để làm cho SV hứng thú và tích cực tham gia bài giảng, GV cần kích thích sự tò mò và thu hút sự chú ý của họ. Người học học hỏi được nhiều điều khi họ chú ý và không học hỏi được gì khi thiếu sự tập trung [1, tr. 53]. Cả 5 SV tham gia phỏng vấn chuyên sâu đều đồng ý rằng “Các HĐKD giúp SV ngừng bị phân tâm và hướng sự chú ý vào bài học. Những hoạt động này dẫn dắt các em đến việc học ngôn ngữ hiệu quả ngay từ đầu”.

5.3. Nhược điểm của hoạt động khởi động

Người học thường cố gắng sắp xếp kiến thức của mình khi GV có thể hỗ trợ họ bằng các hoạt động phù hợp. Điều cần thiết là hoạt động được sử dụng phải liên kết với mục tiêu nhận thức của người học. Đề cập trong lý thuyết “đầu vào dễ hiểu”, dựa vào nghiên cứu của Krashen về “lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai”, Tricomi cho rằng người học sẽ tiếp thu tốt một ngôn ngữ khi ngôn ngữ đó dễ hiểu và có ý nghĩa đối với họ [8, tr. 65]. Theo Tricomi thì HĐKD trong giờ học nói chung và giờ học ngôn ngữ nói riêng phải ở mức $i+1$, trong đó i thể hiện kiến thức hiện có của người học và 1 chỉ là một bước tiến so với trình độ hiện tại của các em [8, tr. 65]. Nhiều HĐKD không hiệu quả đối với người học vì cách tổ chức ngôn ngữ của các hoạt động này dường như khác với cách tổ chức ngôn ngữ trong tư duy. Chính sự không phù hợp này lại là nhân tố cản trở đáng kể việc học ngôn ngữ. Bên cạnh đó, đối với những người học nhút nhát thì không phải lúc nào khởi động cũng là một hoạt động dễ chịu. Đôi khi họ cảm thấy căng thẳng vì phải thực hiện các bài tập một mình trước cả lớp. Nhận định của nhà nghiên cứu Tricomi cho rằng bất kể hoạt động khởi đầu có phù hợp đến đâu vẫn sẽ có trở ngại trong việc hiểu nếu “bộ lọc cảm xúc” hoặc phản ứng cảm xúc của người học như lo lắng, căng thẳng, áp lực,... ở mức cao [8, tr. 60]. Về phía GV, mặc dù giai đoạn khởi động thường chỉ kéo dài 5 đến 10 phút cho mỗi giờ học nhưng việc thiết kế hoạt động đòi hỏi một sự đầu tư thời gian đáng kể mà đôi khi hiệu quả học tập đạt được lại không nhiều như mong đợi. Điều này xuất phát từ thực tế rằng nếu GV lặp lại các HĐKD sẽ tất yếu dẫn đến tình trạng SV giảm hứng thú và đó cũng chính là lý do tại sao GV phải đầu tư thời gian, công sức để sáng tạo nhiều hoạt động khác nhau trong suốt cả học kỳ.

Như vậy, cho dù vẫn tồn tại một số nhược điểm như trên thì phần lớn SV tham gia khảo sát và phỏng vấn đều nhất trí rằng “Các HĐKD không nên bị đánh giá thấp”. Chúng thường giúp duy trì sự tham gia, đóng góp của SV trong bài học, kiến tạo và duy trì không khí thoải mái và mối quan hệ thân thiện, khơi dậy cảm xúc tích cực cho SV và GV. Ngoài ra, việc sử dụng ngoại ngữ trong các HĐKD cũng mang lại rất nhiều lợi ích cho SV trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

6. Kết luận

Mục đích chính của bài viết này là tìm hiểu nhận thức của SV đối với HĐKD được sử dụng trong giờ học Tiếng Anh. Kết quả cho thấy khởi động là một hoạt động hiệu quả để bắt đầu tiết học, giúp tạo hứng thú cho SV, khiến các em giữ tâm trạng tích cực khi tham gia vào lớp học. Kết quả nghiên cứu chỉ ra trong lớp học ngôn ngữ, HĐKD được sử dụng với nhiều lý do. Một trong những lý do đó là thiết lập mối quan hệ giữa SV và GV, đồng thời tạo dựng môi trường học tập tích cực, giúp các em cảm thấy thoải mái trong lớp học. Giáo viên có thể sử dụng HĐKD để thu hút sự chú ý của SV vào đầu giờ học vì hoạt động này cũng có thể là một bài tập tốt giúp SV ôn lại kiến thức nền tảng. Bên cạnh đó, GV có thể

thảo luận về mục tiêu bài học trong giai đoạn khởi động để SV xác định mục tiêu rõ ràng, từ đó có nỗ lực học tập nhiều hơn. Các GV có thể sử dụng đa dạng các HĐKD với nhiều mục đích khác nhau nhưng có một điểm chung là hoạt động này nên ở mức độ i+1 tức là không nên quá khó so với năng lực của SV vì nếu làm như vậy các em sẽ không hứng thú tham gia vào hoạt động trên.

Tài liệu tham khảo

- [1] Brown, H.D. (1987). *Principles of Language learning and Teaching*. USA: Prentice-Hall, Inc.
- [2] Cheung, C. K. (2001). *The use of popular culture as a stimulus to motivate secondary students' English learning in Hong Kong*. ELT Journal, 55 (1), pp. 55-61. Doi:10.1093/elt/55.1.55.
- [3] García, A. M., & Martín, J. C. (2004). *Something Old and Something New. Techniques to Improve the Lexical Inventory of EST Students: A Proposal*. Revista Estudios Ingleses, No 17, pp. 6-44. Retrieved from <http://publicaciones.ua.es/filespubli/pdf/02144808RD25769742.pdf>.
- [4] Krishnan, L. A., & Hoon, L. H. (2002). *Diaries: listening to 'voices' from the multicultural classroom*. ELT Journal, 56 (3), pp. 227-239. <https://doi.org/10.1093/elt/56.3.227>.
- [5] Nemati, A., & Habibi, P. (2012). *Memoir, Active Learning and Brainstorming*. Switzerland Research Park Journal, 101 (9), pp. 379-383. Retrieved from <http://www.naukpublication.org/index.php/NATIONALPARK-FORSCHUNG-SCHWEIZ/article/viewFile/43/28>.
- [6] Robertson, C., & Acklam, R. (2000). *Action Plan for Teachers- a guide to teaching English*. London, UK: BBC World Service.
- [7] Rushidi, J. (2013). *The Benefits and Downsides of Creative Methods of Teaching in an EFL Classroom (A Case Study Conducted at South East European University, Tetovo, Macedonia)*. Journal of Education and Practice, 4 (20), pp. 128-135. Retrieved from <http://www.iiste.org/Journals/index.php/JEP/article/view/7911/7986>.
- [8] Tricomi, E. T. (1986). *Krashen's Second-Language Acquisition Theory and the Teaching of Edited American English*. Journal of Basic Writing, 5 (2), pp. 59-69. Retrieved from <http://wac.colostate.edu/jbw/v5n2/tricomi.pdf>.
- [9] Velandia, R. (2008). *The Role of Warming Up Activities in Adolescent Students' Involvement During the English Class*. Profile Journal, No 10, pp. 9-26. Retrieved from <http://www.redalyc.org/pdf/1692/169214143002.pdf>.
- [10] Zhu, Z. (2010). *Applying Innovative Spirit to Multimedia Foreign Language Teaching*. Canadian Center of Science and Education, 3 (3), pp. 67-70. Doi:10.5539/elt.v3n3p67.

HƯỚNG DẪN SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON,...

Tiếp theo trang 161

4. Kết luận

Nếu trước kia TPVH chỉ được xem là phương tiện giáo dục thì bây giờ sự giáo dục, đào tạo trẻ mầm non không chỉ thông qua TPVH mà còn để trẻ hiểu biết về TPVH, tất nhiên chỉ là mức độ "làm quen" với nó. Cho trẻ làm quen với TPVH là cho các bé được làm quen với thế giới nghệ thuật để phát triển toàn diện về nhận thức, ngôn ngữ, cảm xúc, thẩm mỹ, đạo đức. Vì vậy, giúp trẻ mầm non làm quen với TPVH hứng thú và có hiệu quả thì việc lựa chọn TPVH để xây dựng nội dung chương trình hướng trẻ đến kho tàng văn học nghệ thuật nước nhà, văn học thiếu nhi thế giới, văn học thời cổ đại, văn học hiện đại là vô cùng cần thiết và có ý nghĩa. Vì vậy, với tư cách là GV mầm non tương lai, SV ngành GDMN cần nhận thức rõ việc lựa chọn TPVH để xây dựng chương trình đó vừa là nhiệm vụ, vừa là kỹ năng cần tạo lập, rèn rũa của mỗi GV dạy bậc mầm non. Khi xây dựng chương trình cho trẻ làm quen với TPVH phải chú ý vừa đảm bảo đúng các yêu cầu theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vừa phải đảm bảo phù hợp với khả năng nhận thức, tâm lý tiếp nhận văn học và năng lực thể chất trí tuệ của trẻ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/4/2021 ban hành chương trình Giáo dục mầm non*.
- [2] Hà Thị Kim Yến, Hà Thị Phương Bắc (2024). *Một số biện pháp giúp sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Thái Nguyên rèn kỹ năng tự học học phần Văn học thiếu nhi*. Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 165 tháng 12.
- [3] Lê Thị Bắc Lý (2015). *Văn học thiếu nhi và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4] Lê Thị Bích Ngọc, Hà Thị Kim Yến (2018). *Tập bài giảng Văn học thiếu nhi*. Trường Cao đẳng Thái Nguyên (Tập bài giảng lưu hành nội bộ).
- [5] Nguyễn Thị Hoa, Trần Thị Ngọc (2022). *Giáo trình Cho trẻ làm quen tác phẩm văn học*. NXB Đại học Thái Nguyên.
- [6] Phó Thị Hồng Oanh, Lê Thị Bích Ngọc (2018). *Tập bài giảng Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học*. Trường Cao đẳng Thái Nguyên (Tập bài giảng lưu hành nội bộ).
- [7] Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục (2007). *Tuyển tập bài hát, trò chơi, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề (các lứa tuổi)*. NXB Giáo dục, Hà Nội.